

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CON CUÔNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST

Ngày 08 – 6 - 2018.

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CC - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đình Nhàn

2. Ông Lê Thanh Hiền

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CC – tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CC, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Hoa -Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CC, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 16/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXX-ST ngày 22/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị La Thị T – sinh năm 1992.

2. Bị đơn: Anh La Văn H – sinh năm 1994.

Đều có địa chỉ tại: Thôn CS, xã CK, huyện CC, tỉnh Nghệ An. Chị T, anh H đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 10/6/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị La Thị T trình bày: Chị với anh La Văn H chung sống như vợ chồng từ năm 2009 nhưng đến ngày 02/12/2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CK, huyện CC, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không có sự ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không cùng quan điểm sống, anh H thường xuyên đánh đập, hành hạ, thiếu quan tâm vợ con. Quá trình chung sống của vợ chồng có quá nhiều bất đồng, không cùng tiếng nói, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn vợ chồng đã được chính quyền địa

phương và gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ hơn một năm nay. Hiện nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh La Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có với nhau 02 người con chung tên là La Văn Đ, sinh ngày 31/8/2010 và La Thị Ngọc T, sinh ngày 17/9/2013. Hiện nay cả hai con đang sống với anh H. Sau khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu T còn cháu Đ thì anh H sẽ nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh H thỏa thuận tự chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn anh La Văn H trình bày: Thời gian chung sống và kết hôn anh H công nhận như chị T trình bày là đúng sự thật, anh không bổ sung gì thêm. Quá trình vợ chồng chung sống cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đáng kể. Vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc với nhau chỉ có những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày, thỉnh thoảng vợ chồng cãi cọ nhau, anh cũng đã nhiều lần đánh đập chị T. Nguyên nhân do chị T không biết thông cảm để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Nay chị T làm đơn xin ly hôn thì anh không nhất trí vì tình cảm anh dành cho chị T vẫn còn, con còn nhỏ anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh chị có hai con chung như chị T trình bày. Nếu ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cả H con cho anh nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị T thỏa thuận tự chia không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 17/4/2018 tại địa phương cho thấy: Anh H và chị T chung sống với nhau từ năm 2009 đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây có xảy ra mâu thuẫn do anh H thường xuyên rượu chè và đánh đập chị T, sự việc của vợ chồng anh H chính quyền địa phương cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/4/2018 cháu La Văn Đ có nguyện vọng được sống với bố là anh La Văn H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CC phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình: giải quyết cho chị La Thị T được ly hôn anh La Văn H. Về con chung giao cháu La Thị Ngọc T cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu La Văn Đ cho anh H nuôi dưỡng. Hai bên không pH cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị T pH chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân gia đình về tranh chấp ly hôn; bị đơn anh La Văn H hiện cư trú tại thôn CS, xã CK, huyện CC, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CC theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chưa thành niên sau khi ly hôn nên theo quy định, Tòa án xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp tại UBND xã CK, huyện CC là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: xét chị La Thị T và anh La Văn H đăng ký kết hôn ngày 02/12/2013 tại UBND xã CK, huyện CC, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T, nguyên nhân mâu thuẫn là do không cùng quan điểm sống, anh H thường xuyên đánh đập, hành hạ, thiếu quan tâm vợ con. Quá trình chung sống của vợ chồng có quá nhiều bất đồng, không cùng tiếng nói. Anh H cho rằng, Vợ chồng vẫn sống hạnh phúc, chỉ có những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày, thỉnh thoảng vợ chồng cãi cọ nhau, đã nhiều lần anh đánh đập chị T do chị T không biết thông cảm để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy mà vợ chồng không

còn sống chung với nhau nữa. Mặc dù các đương sự không thống nhất với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng qua xác minh tại địa phương cho thấy giữa vợ chồng chị T và anh H thường xảy ra cãi vã, xô xát và đánh đập nhau nên chị T về sống cùng bố mẹ đẻ, anh H sống tại nhà của bố mẹ anh H. Như vậy, chị T và anh H đã vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng, không sống chung với nhau mà không có lý do chính đáng.

Xét thấy, giữa chị T và anh H mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế cần cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị La Thị T được ly hôn với anh La Văn H.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có hai con chung tên là La Văn Đ, sinh ngày 31/8/2010 và La Thị Ngọc T, sinh ngày 17/9/2013. Hiện nay các con đang sống cùng anh H tại bản Châu Sơn, xã CK, huyện CC, tỉnh Nghệ An. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T. Anh H có nguyện vọng nuôi cả hai con.

Xem xét về tranh chấp quyền trực tiếp nuôi con chung La Văn Đ và La Thị Ngọc T: căn cứ lời trình bày của các đương sự về điều kiện nuôi con chưa thành niên, đối chiếu vào các tài liệu mà Tòa án đã thu thập được như Đơn xin xác nhận công việc và thu nhập ngày 06/5/2018 của chị La Thị T có sự xác thực của Công ty Bao bì Hoa Việt thì có thể thấy: chị T sống chung với bố mẹ đẻ, hiện là công nhân Công ty Bao bì Hoa Việt, thu nhập ổn định với mức lương trung bình là 6.000.000 đồng/tháng. Anh H hiện đang sống nhờ tại nhà bố mẹ đẻ, thu nhập chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi gia súc, gia cầm thu nhập trung bình khoảng 4.000.000 đồng/tháng, tại phiên tòa anh khai, trong hai tháng gần đây anh làm công nhân cho công ty xây dựng với mức lương 15.000.000 đồng/tháng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ nên nội dung này không được xem xét. Như vậy, có thể thấy, điều kiện nuôi con của các đương sự về cơ bản tương đồng nhau.

Nguyện vọng nuôi con của chị T và anh H đều chính đáng, thể hiện trách nhiệm và tình cảm của cha mẹ dành cho các con. Tuy nhiên, với điều kiện kinh tế hiện nay, việc anh H nhận nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng là chưa đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con. Vì vậy, để hài hòa giữa quyền của người cha, người mẹ và quyền lợi về mọi mặt của các con, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung La Văn Đ, giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung La Thị Ngọc T; cả hai bên không phải làm nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4]. Về tài sản chung: do các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị La Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị La Thị T ly hôn anh La Văn H.

Về con chung: Giao cháu La Văn Đ, sinh ngày 31/8/2010 cho anh La Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu La Thị Ngọc T sinh ngày 17/9/2013 cho chị La Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu Đ và cháu T tròn 18 tuổi, trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị T và anh H có quyền thăm non, chăm sóc con chung không ai được cản trở vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị La Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CC, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0003316 ngày 20/3/2018. Chị T đã nộp đủ án phí DSST.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. CC;
- Chi cục THADS H. CC;
- UBND xã CK;
- Lưu Hồ sơ, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Phan Hồng Lợi